**Tiếng Việt**

**Bài 32: ON ÔN ƠN (2 tiết)**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức:** **Giúp HS:**

- Nhận biết và đọc đúng vần on, ôn ,ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần on, ôn, ơn; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần on, ôn, ơn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần on, ôn, ơn.

**2. Năng lực:**

**-** Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần on, ôn, ơn có trong bài học.

**-** Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Rừng xanh vui nhộn được gợi ý trong tranh; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết sự vật (khung cảnh rừng xanh, một số con vật sống trong rừng và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cảnh đẹp, vui nhộn của khu rừng vào buổi sáng).

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông.

**II. Đồ dùng dạy học:**

*1. Kiến thức Tiếng Việt:*

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần on, ôn ,ơn.

- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: véo von, lớn khôn, vẻ, vô tư, Véo von: (âm thanh cao, trong trẻo, lên xuống nhịp nhàng, nghe êm tai. Lớn không: trưởng thành về suy nghĩ. Vè: Bài văn vần kể câu chuyện được lưu truyền trong dân gian, thường là kể chuyện người thật việc thật dể ca ngợi hay phê phản, châm biếm. Vô tư: không lo nghĩ gì. Trư: Trư Bát Giới (một nhân vật trong truyện Tây du ký, có hình hài to béo,..).

- Nón lá: một loại nón đội đầu truyền thống của người Việt Nam, thưởng làm bằng lá cọ, có hình chóp nhọn, dùng để che nắng, che mưa,.. Ngày nay, nón lá được xem là món quà đặc biệt cho du khách nước ngoài khi đến tham quan Việt Nam.

- Chim sơn ca: loài chim có kích thước bé bằng chim sẻ, hót rất hay, thường sống trên những cánh đồng lúa, ăn sâu bọ, có ích cho nhà nông

*2. Chuẩn bị về phương tiện:*

a. Giáo viên: Bài giảng điện tử, chữ mẫu - Tranh SGK.

b. Học sinh: Bộ đồ dùng TV.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Ôn và khởi động: 2-3’**  - HS hát  - Đọc lại bài 31  **2. Nhận biết: 3 - 4’**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: + Em thấy gì trong tranh?  - Thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh.  - Giới thiệu câu: **Sơn ca véo von: Mẹ ơi, con đã lớn khôn.**  - Đọc mẫu, hướng dẫn đọc từng cụm từ.  - Giới thiệu vần mới *on, ôn, ơn*. Viết tên bài lên bảng.  **3, Đọc vần, tiếng, từ ngữ: 15-17’**  **a. Đọc vần**  + So sánh các vần.  -Giới thiệu vần*on, ôn, ơn*.  -Yêu cầu các em phân tích lần lượt ba vần.  -Yêu cầu so sánh ba vần.  -Chốt: Giống nhau cả ba vần đều có 2 âm, có âm n đứng sau. Khác nhau âm đứng trước.  + Đánh vần các vần.  - Đánh vần mẫu các vần: *on, ôn, ơn*.  + Đọc trơn các vần.  *-* Yêu cầu HS đọc trơn các vần.  + Ghép chữ cái tạo vần.  - Yêu cầu cài vần *ôn.*  - Yêu cầu cài vần*ơn* (bằng cách nhanh nhất)  - Yêu cầu cài vần *on* (bằng cách nhanh nhất)  **b. Đọc tiếng**  - Yêu cầu HS cài tiếng *con*  - Yêu cầu HS nêu cách ghép  - Phân tích tiếng *con*?  - Giới thiệu mô hình tiếng *con*, trên màn hình.  - Đọc đánh vần mẫu tiếng *con*  - Đọc trơn tiếng *con*  - Đưa các tiếng trên màn hình: *giòn, ngon, bốn nhộn, gọn, lớn*  - Yêu cầu HS đọc đánh vần.  - Yêu cầu HS đọc đọc trơn.  - Các tiếng em vừa đọc có âm cuối nào?  - Các vần có âm n đứng sau kết hợp 6 dấu thanh.  - Yêu cầu HS các tiếng trên thanh cài.  - Nhận xét tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ :**  + Từ: **nón lá**  **-** Đưa ảnh**,** ảnh chụp gì ?  **-** Đưa từ: *Nón lá.*  - Giải nghĩa: *Nón lá***:** một loại nón đội đầu truyền thống của người Việt Nam, thưởng làm bằng lá cọ, có hình chóp nhọn, dùng để che nắng, che mưa,.. Ngày nay, nón lá được xem là món quà đặc biệt cho du khách nước ngoài khi đến tham quan Việt Nam.  -Trong từ *Nón lá* tiếng nào có chứa vần mới ?  - Yêu cầu đọc đánh vần tiếng *nón,* đọc trơn từ *Nón lá*  + Từ : *con chồn, sơn ca*  **-** Tiến hành tương tự như từ *Nón lá*  **-** Hướng dẫn đọc từ: Đọc liền các tiếng trong từ.  **-** Yêu cầu đọc nối tiếp từ.  - Yêu cầu HS đọc lại các từ  **d.** **Đọc lại vần - tiếng - từ**  - Yêu cầu đọc cá nhân, đọc đồng thanh.  - Nhận xét tuyên dương.  **4.Viết bảng: 10 -12’**  **+** Hướng dẫn viết *on, ôn, ơn*.  **-** Hướng dẫn quy trình viết chữ ghi các vần: **on***.*  Chữ **on** gồm mấy con chữ? nêu độ cao các con chữ? Khoảng cách giữa các con chữ?  - Nêu quy trình viết và viết mẫu  -Có chữ **on**, muốn ghi chữ **ôn** cô làm thế nào?  **-** Tương tự như vậy cô muốn chữ ghi vần **ơn** cô thêm dấu gì?  *-* Yêu cầu HS viết *on, ôn, ơn*.  *-* Nhận xét.  ***+*** Hướng dẫn viết chữ: *con chồn, sơn ca*  ***-*** Hướng dẫn quy trình viết chữ **con chồn**  Chữ **con chồn** gồm mấy chữ? nêu độ cao các con chữ? Khoảng cách giữa các chữ?  Nêu quy trình viết  ***-*** Hướng dẫn quy trình viết chữ *sơn ca*  ***-*** Yêu cầu HS viết.  ***-*** Nhận xét.  \* **Củng cố**  - Các em vừa được học những vần mới nào?  - Nhận xét giờ học. | **-** Hs hát  - HS đọc: 2 – 3 em.  - Quan sát tranh, thảo luận đại diện các nhóm trình bày .  - HS đọc  - HS phân tích.  - Giống nhau cả ba vần đều có 2 âm, có âm n đứng sau. Khác nhau âm đứng trước.  - HS đánh vần: CN, N, ĐT  - HS đọc trơn: CN, N, ĐT  - HS cài - nhận xét - đọc đồng thanh  - HS cài - nhận xét - đọc đồng thanh.  - HS cài - đọc đồng thanh.  - HS cài – nhận xét  - 1 - 2 em nêu  - HS phân tích  - HS đánh vần: CN, N, ĐT  - HS đọc trơn: CN, N, ĐT  - HS đọc đánh vần nối tiếp theo dãy, đồng thanh.  - HS đọc trơn nối tiếp theo dãy, đồng thanh.  - Các tiếng vừa đọc có âm cuối n.  - Mỗi HS cài một tiếng có chứa vần mới.  - Đọc trơn một số tiếng.  - HS quan sát. 1-2 HS trả lời.  - HS trả lời*,*  - Một dãy đọc - cả lớp đọc.  - Đọc nối tiếp mỗi HS một từ, cả lớp đọc đồng thanh.  - HS đọc  - 1 đến 2 HS đọc - cả lớp đọc đồng thanh.  - HS trả lời  - Cô thêm dấu **ô.**  - Cô thêm dấu **ơ.**  - Viết bảng con *an, ăn, ân*  -Nhận xét bài bạn.  - HS quan sát  - Viết bảng con  - Nhận xét bài bạn.  - Em được học vần *on, ôn, ơn.* |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở: 9 - 10’**  - Hướng dẫn cách trình bày: Các em cần quan sát kĩ chữ mẫu, viết theo mẫu. Lưu ý khoảng cách giữa các chữ trong từ. Mỗi dấu chấm là điểm đặt bút viết một chữ.  - Gv đưa vở mẫu  - Lệnh  - Quan sát hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng khoảng cách  - Nhận xét và sửa lỗi cho HS  **6. Đọc: 15- 17’**  - Giới thiệu tranh và nội dung bài đọc  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần an, ăn, ân*.*  - GV yêu cầu phân tích hoặc đánh vần các tiếng mới.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn.  - Đọc nối tiếp câu  - GV HD đọc đoạn, đọc mẫu cả đoạn  - Yêu cầu đọc cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  + Có mấy chú lợn con được kể trong bài vè (bốn chủ)?  + Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chú lợn con (vô tư, no tròn)?  + Theo em, các chủ lợn con có đáng yêu không?  + Vì sao (các chú rất đáng yêu vì vui vẻ, béo tròn...).  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh: 5-7’**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, Bức tranh vẽ cảnh ở đâu?  + Cảnh buổi sáng hay buổi chiều?  + Dựa vào đâu mà em biết?  + Có những con vật nào trong khu rừng?  + Các con vật đang làm gì?  + Mặt trời có hình gì?  + Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thư thế nào?  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ động vật, giữ gìn tài nguyên môi trường của đất nước.  **8. Củng cố : 2 – 3’**  - Các em vừa học bài gì?  - Tìm một số tiếng, từ chứa vần vừa học.  - GV nhận xét chung giờ học. | - Mở vở Tập viết  - Đọc nội dung bài viết: *on, ôn, ơn, con chồn, sơn ca.*  - Nêu tư thế ngồi viết  - Quan sát  - Cả lớp viết bài  - HS quan sát tranh  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  - HS thảo luận nhóm đôi, nội dung đoạn vừa đọc  - Đại diện nhóm trả lời trước lớp  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.    - HS trả lời |